



CTCP CHỨNG KHOÁN KIẾN
THIỆT VIỆT NAM
VIETNAM CONSTRUCTION
SECURITIES JSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

Số: 17/2025/CV-CSI
No: 17/2025/CV-CSI

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025
Ha Noi, March 28 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước /State Securities Commission of VietNam
To: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam /Vietnam Exchange
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội /Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Pursuant to Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, issued by the Ministry of Finance, providing guidance on information disclosure in the securities market, Vietnam Construction Securities Joint Stock Company hereby discloses the quarterly financial statements for the year 2024 to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên công ty/Name of company: CTCP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM/
VIETNAM CONSTRUCTION SECURITIES
- Mã chứng khoán/Stock symbol: CSI
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 11, Tòa nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.
Address of headoffice: 11th Floor, TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh Street, Láng Thượng Ward, Đống Đa District, Hanoi.
- Điện thoại/Telephone (+84) 24 3926 0099
- Email: cbtt@vncsi.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ the Disclosed Information:

- BCTC năm 2024/ Financial Statement of FY2024

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc): ☒

☎ 024 3926 0099

☎ 0886998288

✉ online@vncsi.com.vn

📍 Hà Nội: Tầng 11, toà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

📍 HCM: Tầng 20, Tòa nhà TNR, 180 – 192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Separate financial statements (for listed companies without subsidiaries and superior accounting units with dependent units) ☐

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con); ☐

Consolidated financial statements (for public companies with subsidiaries); ☐

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng). ☐

Consolidated Financial Statements (Applicable to public companies with accounting units that have an independent organizational accounting structure). ☐

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/ Cases requiring an explanation of the causes:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

The auditing organization provides an opinion that is not a fully unqualified opinion on the financial statements (applicable to reviewed/audited financial statements):

Có/yes ☒

Không/No ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ Explanation in case of selecting "Yes.":

Có/yes ☒

Không/ No ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm):

Profit after tax in the reporting period differs by 5% or more before and after the audit, or changes from a loss to a profit or vice versa (applicable to annual audited financial statements):

Có/yes ☒

Không/No ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ Explanation in case of selecting "Yes.":

Có/yes ☒

Không/No ☐

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có/yes ☐

Không/No ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ Explanation in case of selecting "Yes.":

Có/yes ☐

Không/No ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

The post-tax profit in the income statement for the reporting period has changed by 10% or more compared to the same period of the previous year

Có/yes ☒

Không/No ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ Explanation in case of selecting "Yes.":

Có/yes



Không/No



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/3/2025 tại đường dẫn: <https://vncsi.com.vn/>

This information has been disclosed on the company's website on March 28, 2025, at the following link: <https://vncsi.com.vn/>

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:

- BCTC/FS
- Văn bản giải trình/ Explanation

Đại diện tổ chức/

Người UQCBTT/

Authorized person for information disclosure



Hoàng Xuân Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN THÔNG TIN TÀI CHÍNH	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 13
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	14
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	15 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo và đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Wang Wei Ya	Chủ tịch	
Ông Hoàng Xuân Hùng	Phó Chủ tịch	
Ông Li You Mu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Đã	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 12/6/2024
Bà Lê Thị Thanh Huyền	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 12/6/2024

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Hoàng Xuân Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Bảo Ngọc	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Minh	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Khôi	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên
Bà Trần Thị Nhung	Thành viên

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Lê Anh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/02/2025
-----------------	------------	--------------------------

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Wang Wei Ya – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Quản trị Công ty khẳng định rằng, ngoài các sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 05 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm nay và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Số: 338/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày ngày 25 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Số tiền mặt tồn quỹ trung bình trong năm 2024 của Công ty là khoảng 62 tỷ đồng, số tiền mặt này được Công ty nộp vào tài khoản ngân hàng hoặc tiền gửi có kỳ hạn vào thời điểm cuối mỗi quý và được rút về nhập quỹ tiền mặt vào các ngày đầu quý sau (số tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt tại ngày 02/01/2025 là 7 tỷ đồng). Chúng tôi không nhận được các giải trình hợp lý về việc duy trì số dư quỹ tiền mặt lớn nêu trên. Theo đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Tại ngày 31/12/2024, khoản mục tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty là khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần các Công ty chưa niêm yết với giá trị 32,4 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2024 là 32,4 tỷ đồng) bao gồm: khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Galaxy Việt Nam là 18,2 tỷ đồng và Công ty Cổ phần Công nghệ Noah là 14,2 tỷ đồng). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp để xác định giá trị hợp lý khoản đầu tư trên. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được giá trị hợp lý của khoản mục này cũng như ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty Chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập khác và đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 28/03/2024 liên quan đến các nội dung gồm:

- Kiểm toán viên không nhận được các giải trình hợp lý về việc duy trì số dư quỹ tiền mặt trung bình lớn được Công ty nộp vào tài khoản ngân hàng để ký hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn vào thời điểm cuối mỗi quý và được rút khỏi tài khoản ngân hàng nhập quỹ tiền mặt vào các ngày đầu quý sau.
- Kiểm toán viên không đánh giá được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Galaxy Việt Nam với giá trị là 18,2 tỷ đồng và Công ty Cổ phần Công nghệ Noah với giá trị vốn góp là 14,2 tỷ đồng.

Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, như mô tả tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” trên đây.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Hoàng Thị Nga
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
4079-2023-112-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		161.124.123.068	173.648.813.740
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		159.829.111.102	172.499.462.782
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	42.776.641.615	135.261.295.484
Tiền	111.1		26.776.641.615	2.261.295.484
Các khoản tương đương tiền	111.2		16.000.000.000	133.000.000.000
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7	79.290.055.642	-
Các khoản cho vay	114	8	2.934.916.405	2.046.887.848
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	7	32.231.632.384	32.400.000.000
Các khoản phải thu	117	9	104.348.808	17.664.633
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4	9	104.348.808	17.664.633
Trả trước cho người bán	118	9	48.995.600	85.800.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	9	2.442.520.648	2.687.814.817
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		1.295.011.966	1.149.350.958
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10	1.295.011.966	1.149.350.958
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.575.819.915	7.925.646.126
Tài sản cố định	220		2.155.480.187	2.798.927.008
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.210.186.374	1.541.292.341
- Nguyên giá	222		6.522.112.757	6.446.184.575
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(5.311.926.383)	(4.904.892.234)
Tài sản cố định vô hình	227	13	945.293.813	1.257.634.667
- Nguyên giá	228		3.714.773.000	3.681.773.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(2.769.479.187)	(2.424.138.333)
Tài sản dài hạn khác	250		4.420.339.728	5.126.719.118
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	11	1.053.525.400	1.029.525.400
Chi phí trả trước dài hạn	252	10	1.162.606.845	2.059.110.593
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	14	2.204.207.483	2.038.083.125
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		167.699.942.983	181.574.459.866

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.714.021.882	1.044.331.311
Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.714.021.882	1.044.331.311
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	15	33.954.079	33.172.113
Phải trả người bán ngắn hạn	320	18	307.598.798	74.923.125
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	16	70.000.000	70.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	19	422.164.813	98.959.040
Phải trả người lao động	323		534.419.693	409.423.009
Chi phí phải trả ngắn hạn	325		9.822.475	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	17	330.000.000	351.792.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		6.062.024	6.062.024
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		165.985.921.101	180.530.128.555
Vốn chủ sở hữu	410	20	165.985.921.101	180.530.128.555
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		168.000.000.000	168.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		168.000.000.000	168.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		168.000.000.000	168.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(2.014.078.899)	12.530.128.555
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(1.773.138.361)	12.530.128.555
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(240.940.538)	-
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		167.699.942.983	181.574.459.866

Nguyễn Thị Thái Hà
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành	006		16.800.000	16.800.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	21	40.482.360.000	-
Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		40.000.000	-
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	22	32.400.000.000	32.400.000.000
Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		52.500.000	-
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	23	446.319.010.000	393.624.890.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		446.010.120.000	391.153.640.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		308.890.000	2.471.250.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	24	67.882.600.000	67.882.600.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		67.882.600.000	67.882.600.000
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025	25	995.400.000	-
Tiền gửi của khách hàng	026	26	14.796.168.775	21.523.986.925
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		14.796.168.775	21.523.986.925
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	27	14.796.168.775	21.523.986.925
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		14.063.705.874	20.135.252.817
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		732.462.901	1.388.734.108



Nguyễn Thị Thái Hà
Người lập biểu



Nguyễn Thanh Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		5.366.551.534	7.183.703.435
<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>		<i>44.225.000</i>	<i>13.333.066</i>
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.2</i>		<i>5.164.527.437</i>	<i>7.170.205.569</i>
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.3</i>	28	<i>157.799.097</i>	<i>164.800</i>
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	28	122.015.069	(24.219.178)
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	28	400.539.517	585.444.426
Doanh thu môi giới chứng khoán	06		2.625.937.346	1.930.080.119
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		2.742.520.648	2.687.814.817
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		119.312.495	117.613.407
Thu nhập hoạt động khác	11		137.821.443	116.292.887
Cộng doanh thu hoạt động	20		11.514.698.052	12.596.729.913
Chi phí hoạt động				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		5.281.010.359	4.609.424.428
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	<i>21.1</i>		<i>43.250.000</i>	<i>2.981.981.762</i>
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	<i>21.2</i>		<i>5.237.100.359</i>	<i>1.627.442.666</i>
<i>Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>21.3</i>		<i>660.000</i>	-
Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		168.367.616	-
Chi phí hoạt động tự doanh	26		764.078.008	401.630.000
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	29	4.797.871.138	4.385.176.623
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	29	244.800.000	241.090.909
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	29	176.255.094	173.084.081
Cộng chi phí hoạt động	40		11.432.382.215	9.810.406.041
Doanh thu hoạt động tài chính				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong năm	42	30	21.471.748	9.311.147
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		21.471.748	9.311.147
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	31	13.449.198.712	12.901.141.475
Kết quả hoạt động	70		(13.345.411.127)	(10.105.506.456)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác	71		319.070	4
Chi phí khác	72	32	1.199.115.397	1.399.946.007
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(1.198.796.327)	(1.399.946.003)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		(14.544.207.454)	(11.505.452.459)
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(14.303.266.916)	(17.048.215.362)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(240.940.538)	5.542.762.903
Chi phí thuế TNDN	100		-	1.159.386.089
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	1.159.386.089
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế TNDN	200		(14.544.207.454)	(12.664.838.548)
Thu nhập thuần trên cổ phiếu phổ thông	500		(866)	(754)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	33	(866)	(754)

Nguyễn Thị Thái Hà
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		(14.544.207.454)	(11.505.452.459)
Điều chỉnh cho các khoản:	02		730.903.255	732.557.540
- Khấu hao TSCĐ	03		752.375.003	741.868.687
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(21.471.748)	(9.311.147)
Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		5.405.467.975	1.627.442.666
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		5.237.100.359	1.627.442.666
- Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại.	14		168.367.616	-
Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(5.164.527.437)	(7.170.205.569)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(5.164.527.437)	(7.170.205.569)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(78.824.833.774)	22.095.175.963
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(79.362.628.564)	21.569.235.024
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(888.028.557)	4.670.373.102
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		(86.684.175)	51.055.775
(-) Tăng, (+) giảm các phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		245.294.169	(1.842.245.453)
(+) Tăng, (-) giảm các khoản phải thu khác	39		36.804.400	-
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(190.124.358)	-
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		9.822.475	-
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		750.842.740	1.137.996.896
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		-	(2.641.136.294)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		233.457.639	(191.425.798)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		323.205.773	(216.157.077)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		124.996.684	(234.141.454)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(21.792.000)	42.078.107
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		-	(250.456.865)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(92.397.197.435)	5.779.518.141

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(108.928.182)	(207.150.000)
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		21.471.748	9.311.147
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(87.456.434)	(197.838.853)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	-
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(92.484.653.869)	5.581.679.288
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101		135.261.295.484	129.679.616.196
- Tiền	101.1		2.261.295.484	1.679.616.196
- Các khoản tương đương tiền	101.2		133.000.000.000	128.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	5	42.776.641.615	135.261.295.484
- Tiền	103.1		26.776.641.615	2.261.295.484
- Các khoản tương đương tiền	103.2		16.000.000.000	133.000.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		926.748.782.974	737.306.424.570
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(1.050.626.288.416)	(644.697.547.120)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		740.586.038.292	574.348.090.356
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(624.478.521.547)	(678.523.500.519)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(43.885.902)	(58.933.288)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		1.086.056.449	3.914.847.950
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		(6.727.818.150)	(7.710.618.051)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		21.523.986.925	29.234.604.976
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		21.523.986.925	29.234.604.976
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kì hạn	32		21.523.986.925	29.234.604.976
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		14.796.168.775	21.523.986.925
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		12.484.836.589	21.523.986.925
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		2.311.332.186	-


Nguyễn Thị Thái Hà
Người lập biểu


Nguyễn Thanh Minh
Kế toán trưởng


Hoàng Xuân Hùng
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 96/UBCK-GP ngày 21 tháng 08 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất số 0102973463 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04/01/2023. Vốn điều lệ của Công ty là 168.000.000.000 VND. (Một trăm sáu mươi tám tỷ đồng chẵn).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 33 người (tại ngày 01/01/2024 là 29 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 11, Tòa nhà TNR Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Công ty có đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh, địa chỉ tại Tầng 20, Tòa nhà TNR, 180-192, Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-UBCK ngày 27/11/2018.

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

- d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Đơn vị tiền tệ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam "VND" và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính”.

HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp)

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

- Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất.
- Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc các tài sản bị hủy niêm yết/đình chỉ giao dịch, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá sổ sách theo Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư. Trường hợp không thu thập được Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư thì Công ty tạm thời dự phòng 100% giá trị trên nguyên tắc thận trọng.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chi tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Máy móc, thiết bị

02 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05 đến 08 năm.

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trong đó:

- **Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

- **Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Doanh thu (tiếp)

• **Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

• **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

• **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:**

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với bên liên quan trong kỳ được Công ty trình bày tại thuyết minh số 33.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	23.295.000	192.397.000
Tiền gửi ngân hàng (**)	26.753.346.615	2.068.898.484
Các khoản tương đương tiền	16.000.000.000	133.000.000.000
Tương đương tiền (*)	16.000.000.000	133.000.000.000
Cộng	42.776.641.615	135.261.295.484

(*): Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 04122024/HĐTG/BIDV.HTH-KIENTHIET ngày 04/12/2024 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với tổng giá trị là 16 tỷ đồng, lãi suất 4.2%/năm, thời hạn 01 tháng, trả lãi cuối kỳ.

(**): Khoản tiền gửi Ngân hàng được rút về nhập quỹ tại thời điểm 02/01/2025 là 7 tỷ đồng.

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

Năm 2024	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm CP	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
Của Công ty chứng khoán	4.277.077	48.164.355.000
- Cổ phiếu	358.100	8.164.355.000
- Chứng khoán khác	3.918.977	40.000.000.000
Của nhà đầu tư	60.086.977	1.473.652.267.840
- Cổ phiếu	55.451.431	1.467.302.052.080
- Chứng khoán khác	4.635.546	6.350.215.760
Cộng	64.364.054	1.521.816.622.840

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản FVTPL	79.362.628.564	79.290.055.642	-	-
+ Cổ phiếu niêm yết	4.565.480.000	4.204.765.000	-	-
- PC1	1.039.850.000	801.500.000	-	-
- MWG	1.101.840.000	1.110.200.000	-	-
- BVB	295.500.000	290.000.000	-	-
- VND	499.800.000	428.400.000	-	-
- SSI	294.795.000	286.550.000	-	-
- PVD	297.275.000	269.100.000	-	-
- DPM	201.190.000	206.500.000	-	-
- HHV	301.070.000	294.745.000	-	-
- GEX	201.760.000	185.270.000	-	-
- GSP	141.750.000	142.500.000	-	-
- BWE	190.650.000	190.000.000	-	-
+ Chứng chỉ quỹ GFMVIF	40.000.000.000	39.917.365.730	-	-
+ Ủy thác đầu tư (*)	34.797.148.564	35.167.924.912	-	-
Cộng	79.362.628.564	79.290.055.642	-	-

(*): Danh mục ủy thác đầu tư theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 02/2024/HD-GFM-CSI ngày 06/08/024 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam và Công ty Cổ phần quản lý quỹ Genesis về việc ủy thác và quản lý đầu tư vào chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam với số vốn đầu tư là 35.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2024, giá trị tài sản ròng theo danh mục đầu tư có giá trị là 35.167.924.912 đồng, bao gồm:

- + Cổ phiếu niêm yết trên HOSE: 35.095.778.100 đồng
- + Cổ tức là cổ phiếu niêm yết trên HOSE: 44.100.000 đồng
- + Tiền gửi không kỳ hạn: 28.046.812 đồng

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

Giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết				
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Galaxy Việt Nam (1)	18.200.000.000	18.170.823.192	18.200.000.000	18.200.000.000
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Noah (2)	14.200.000.000	14.060.809.192	14.200.000.000	14.200.000.000
Cộng	32.400.000.000	32.231.632.384	32.400.000.000	32.400.000.000

- (1) Công ty năm giữ 1.820.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng 10,96% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Galaxy Việt Nam. Cho mục đích đầu tư ban đầu, Cổ phiếu này được Công ty phân loại là tài sản tài chính AFS.
- (2) Công ty năm giữ 1.420.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng 9,59% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ Noah. Cho mục đích đầu tư ban đầu, Cổ phiếu này được Công ty phân loại là tài sản tài chính AFS.

Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường. Do không thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét của các đơn vị nhận đầu tư nêu trên nên Công ty xác định giá trị hợp lý của các tài sản này theo phương pháp vốn chủ theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 do đơn vị tự lập.

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bảng tình hình biến động giá thị trường hoặc giá trị tài sản tài chính

Chi tiêu	Tại 31/12/2024				Tại 01/01/2024			
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá năm nay		Giá trị đánh giá lại	Giá mua thị trường	Chênh lệch đánh giá năm trước	
			tăng	giảm			tăng	giảm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản FVTPL	79.362.628.564	79.290.055.642	5.103.527.437	(5.176.100.359)	79.290.055.642	-	-	-
+ Cổ phiếu niêm yết	4.565.480.000	4.204.765.000	87.275.000	(447.990.000)	4.204.765.000	-	-	-
- PC1	1.039.850.000	801.500.000	21.750.000	(260.100.000)	801.500.000	-	-	-
- MWG	1.101.840.000	1.110.200.000	9.100.000	(740.000)	1.110.200.000	-	-	-
- BVB	295.500.000	290.000.000	10.000.000	(15.500.000)	290.000.000	-	-	-
- VND	499.800.000	428.400.000	-	(71.400.000)	428.400.000	-	-	-
- SSI	294.795.000	286.550.000	16.500.000	(24.745.000)	286.550.000	-	-	-
- PVD	297.275.000	269.100.000	-	(28.175.000)	269.100.000	-	-	-
- DPM	201.190.000	206.500.000	8.555.000	(3.245.000)	206.500.000	-	-	-
- HHV	301.070.000	294.745.000	17.710.000	(24.035.000)	294.745.000	-	-	-
- GEX	201.760.000	185.270.000	2.910.000	(19.400.000)	185.270.000	-	-	-
- GSP	141.750.000	142.500.000	750.000	-	142.500.000	-	-	-
- BWE	190.650.000	190.000.000	-	(650.000)	190.000.000	-	-	-
+ Chứng chỉ quỹ GFMVIF	40.000.000.000	39.917.365.730	1.905.810.742	(1.988.445.012)	39.917.365.730	-	-	-
+ Ủy thác đầu tư	34.797.148.564	35.167.924.912	3.110.441.695	(2.739.665.347)	35.167.924.912	-	-	-
Tài sản AFS	32.400.000.000	32.231.632.384	-	(168.367.616)	32.231.632.384	32.400.000.000	-	32.400.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	32.400.000.000	32.231.632.384	-	(168.367.616)	32.231.632.384	32.400.000.000	-	32.400.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư	18.200.000.000	18.170.823.192	-	(29.176.808)	18.170.823.192	18.200.000.000	-	18.200.000.000
Quốc tế Galaxy Việt Nam								
+ Công ty Cổ phần Công nghệ	14.200.000.000	14.060.809.192	-	(139.190.808)	14.060.809.192	14.200.000.000	-	14.200.000.000
Noah								
Cộng	111.762.628.564	111.521.688.026	5.103.527.437	(5.344.467.975)	111.521.688.026	32.400.000.000	-	34.446.887.848



8. CÁC KHOẢN CHO VAY

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay và phải thu				
+ Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư (Margin)	2.900.307.849	2.900.307.849	1.883.578.127	1.883.578.127
+ Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư	34.608.556	34.608.556	163.309.721	163.309.721
Cộng	2.934.916.405	2.934.916.405	2.046.887.848	2.046.887.848

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAMTầng 11, Tòa nhà TNR Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	104.348.808	17.664.633
· Dự thu tiền lãi - Lãi tiền gửi có kỳ hạn cố định	51.550.685	-
· Dự thu tiền lãi nghiệp vụ cho vay ký quỹ	52.798.123	17.664.633
Trả trước cho người bán	48.995.600	85.800.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	-	52.000.000
Công ty TNHH sản xuất và dịch vụ CDC Việt Nam	15.195.600	-
Công ty Cổ phần Thông tin thương mại Việt Nam	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Hợp Tiếp thị	8.800.000	8.800.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	2.442.520.648	2.687.814.817
Ông Wang QI	2.292.520.648	2.687.814.817
Công ty TNHH Lucky	150.000.000	-
Cộng	2.595.865.056	2.791.279.450

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.295.011.966	1.149.350.958
Chi phí thuê văn phòng	990.235.540	793.950.571
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	304.776.426	355.400.387
Chi phí trả trước dài hạn	1.162.606.845	2.059.110.593
· Chi phí thiết kế, sửa chữa văn phòng	944.123.872	1.884.944.937
Chi phí trả trước dài hạn khác	218.482.973	174.165.656
Cộng	2.457.618.811	3.208.461.551

11. CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Đặt cọc thẻ taxi Mai Linh	9.859.000	9.859.000
Đặt cọc thuê văn phòng	1.019.666.400	1.019.666.400
Đặt cọc khác	24.000.000	-
Cộng	1.053.525.400	1.029.525.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2024	6.446.184.575	6.446.184.575
Tăng do mua mới	75.928.182	75.928.182
Tại 31/12/2024	<u>6.522.112.757</u>	<u>6.522.112.757</u>
HAO MÒN LUYỄN KẾ		
Tại 01/01/2024	4.904.892.234	4.904.892.234
Khấu hao trong năm	407.034.149	407.034.149
Tại 31/12/2024	<u>5.311.926.383</u>	<u>5.311.926.383</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2024	<u>1.541.292.341</u>	<u>1.541.292.341</u>
Tại 31/12/2024	<u>1.210.186.374</u>	<u>1.210.186.374</u>

Tại ngày 31/12/2024, tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 2.568.629.813 VND (tại ngày 01/01/2024 là 2.494.098.813 VND).

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2024	3.681.773.000	-	3.681.773.000
Mua trong kỳ	-	33.000.000	33.000.000
Tại 31/12/2024	<u>3.681.773.000</u>	<u>33.000.000</u>	<u>3.714.773.000</u>
HAO MÒN LUYỄN KẾ			
Tại 01/01/2024	2.424.138.333	-	2.424.138.333
Khấu hao trong năm	344.350.854	990.000	345.340.854
Tại 31/12/2024	<u>2.768.489.187</u>	<u>990.000</u>	<u>2.769.479.187</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2024	<u>1.257.634.667</u>	-	<u>1.257.634.667</u>
Tại 31/12/2024	<u>913.283.813</u>	<u>32.010.000</u>	<u>945.293.813</u>

Tại ngày 31/12/2024, tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.070.633.000 VND (tại ngày 01/01/2024 là 1.070.633.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.111.744.715	1.069.855.555
Tiền lãi phân bổ hàng năm	972.462.768	848.227.570
Cộng	2.204.207.483	2.038.083.125

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	20.792.415	11.694.375
Phải trả giao dịch chứng khoán	13.161.664	21.477.738
Cộng	33.954.079	33.172.113

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tín Thành	70.000.000	70.000.000
Cộng	70.000.000	70.000.000

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Phải trả khác	330.000.000	351.792.000
Cộng	330.000.000	351.792.000

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty CP Viễn thông Intercom Việt Nam	15.400.000	15.400.000	15.400.000	15.400.000
- Công ty CP Đầu tư và Quản lý Bất Động sản TN Property Management	31.027.889	31.027.889	3.522.642	3.522.642
- Công ty TNHH TM và Du lịch Global Wings Việt Nam	14.116.800	14.116.800	8.106.600	8.106.600
- Công ty CP HTC viễn thông quốc tế	14.520.000	14.520.000	14.520.000	14.520.000
- Công ty CP Phát triển Công nghệ Trường Phát	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000
- Công ty CP Đầu tư Sun	-	-	11.016.000	11.016.000
- Các đối tượng khác	224.534.109	224.534.109	14.357.883	14.357.883
	307.598.798	307.598.798	74.923.125	74.923.125

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2024		Số đã thực nộp trong năm		Tại 31/12/2024	
	Giá trị	Số phải nộp trong năm	Giá trị	Số đã thực nộp trong năm	Giá trị	Số đã thực nộp trong năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập cá nhân	98.959.040	1.487.475.306	1.164.269.533	422.164.813		
- Các loại thuế khác	-	4.068.651	4.068.651	-		
Cộng	98.959.040	1.491.543.957	1.168.338.184	422.164.813		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng biến động vốn Chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2023	168.000.000.000	25.194.967.103	170.523.578.281
- Lỗ trong năm	-	(12.664.838.548)	(12.664.838.548)
31/12/2023	168.000.000.000	12.530.128.555	157.858.739.733
01/01/2024	168.000.000.000	12.530.128.555	180.530.128.555
- Lỗ trong năm	-	(14.544.207.454)	(14.544.207.454)
31/12/2024	168.000.000.000	(2.014.078.899)	165.985.921.101

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối, cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
+ Vốn góp đầu năm	168.000.000.000	168.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	168.000.000.000	168.000.000.000

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại 31/12/2024 VND
Ông Hoàng Xuân Hùng	8.225.250.000
Ông Wang Weiya	8.250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kirin Capital	16.931.000.000
Ông Li Youmu	43.200.000.000
Các cổ đông khác	91.393.750.000
	168.000.000.000

Tình hình phát hành cổ phiếu

	Tại 31/12/2024 Cổ phiếu	Tại 01/01/2024 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.800.000	16.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.800.000	16.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.800.000	16.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.800.000	16.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.800.000	16.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	40.482.360.000	-
Cộng	40.482.360.000	-

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch mà tổ chức phát hành đã đăng ký chứng khoán tại VSD nhưng CTCK chưa lưu ký tại VSD	32.400.000.000	32.400.000.000
Cộng	32.400.000.000	32.400.000.000

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	446.010.120.000	391.153.640.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	308.890.000	2.471.250.000
Cộng	446.319.010.000	393.624.890.000

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	67.882.600.000	67.882.600.000
Cộng	67.882.600.000	67.882.600.000

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐƯỢC HƯỞNG QUYỀN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 31/12/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	995.400.000	-
Cộng	995.400.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	14.796.168.775	21.523.986.925
Cộng	14.796.168.775	21.523.986.925

27. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	Tại 31/12/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	14.063.705.874	20.135.252.817
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	732.462.901	1.388.734.108
Cộng	14.796.168.775	21.523.986.925

28. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (cổ tức cổ phiếu)	157.799.097	164.800
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	122.015.069	(24.219.178)
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	400.539.517	585.444.426
Cộng	680.353.683	561.390.048

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	4.797.871.138	4.385.176.623
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	176.255.094	173.084.081
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	244.800.000	241.090.909
Cộng	5.218.926.232	4.799.351.613

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	21.471.748	9.311.147
Cộng	21.471.748	9.311.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	5.406.840.520	5.075.553.878
Chi phí vật tư văn phòng	10.484.508	14.510.045
Chi phí công cụ, dụng cụ	53.925.042	57.633.767
Chi phí khấu hao TSCĐ	447.667.499	441.019.733
Chi phí thuế, phí và lệ phí	6.000.000	15.666.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.530.512.304	6.485.496.467
Chi phí bằng tiền khác	993.768.839	811.260.918
Cộng	13.449.198.712	12.901.141.475

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí khác	1.199.115.397	1.399.946.007
Cộng	1.199.115.397	1.399.946.007

33. LỖ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(14.544.207.454)	(12.664.838.548)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	16.800.000	16.800.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(866)	(754)

34. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong kỳ không tách riêng được, do đó, Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Chức danh	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Ông Wang Wei Ya	1.221.821.791	1.554.252.421
Ông Hoàng Xuân Hùng	126.500.000	143.000.000
Ông Đỗ Bảo Ngọc	495.321.791	505.870.556
Ông Nguyễn Thanh Minh	600.000.000	600.500.000
	289.138.512	304.881.865
Cộng	<u>1.221.821.791</u>	<u>1.554.252.421</u>

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán.



Nguyễn Thị Thái Hà
Người lập biểu



Nguyễn Thanh Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

